

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025– 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi chương trình giáo dục Mầm non;

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Thực hiện công văn số 3261/QĐ- UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 Quyết định Về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2025-2026

Thực hiện theo kế hoạch số 54 /KH-MN, ngày 25 tháng 8 năm 2025 của trường MN Đồng Sơn về kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường và lớp, khả năng và nhu cầu của trẻ. Lớp 4 tuổi Trung Tâm xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lớp năm học 2025 - 2026 như sau:

II. PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA LỚP

*** Thuận lợi**

- Lớp được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học đạt tiêu chuẩn. Có phòng ngủ riêng; Có nhà vệ sinh khép kín, bình nóng lạnh đầy đủ; mùa đông có đủ chăn đệm ấm.

- Được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi theo thông tư 02 và đồ dùng đồ chơi thông minh rất có giá trị để các con học tập và vui chơi.

- Lớp có 2 giáo viên chủ nhiệm, trình độ trên chuẩn, có kinh nghiệm giảng dạy và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

*** Khó khăn**

- Học sinh của lớp có một số cháu năm học này mới ra lớp nên khả năng giao tiếp còn hạn chế, có cháu nói ngọng, chưa nói được câu dài, chưa biết cách diễn đạt ý và nói đủ câu nên giáo viên cũng gặp khó khăn trong quá trình giảng dạy và chăm sóc, nuôi dưỡng.

III. MỤC TIÊU- NỘI DUNG ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO

1. Mục tiêu – Nội dung chung

1.1 Mục tiêu:

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

*** Phát triển thể chất.**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

*** Phát triển nhận thức.**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

*** Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

*** Phát triển thẩm mỹ.**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

1.2. Nội dung

1.2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
 - + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
 - + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
 - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
 - + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
 - + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
 - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
 - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
 - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
 - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
 - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- #### **b. Tổ chức ngủ**
- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
- #### **c. Vệ sinh**
- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2.2. Giáo dục

a. Giáo dục phát triển thể chất

+) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

+) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

b. Giáo dục phát triển nhận thức

+) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.

- Đồ vật.

- Động vật và thực vật.

- Một số hiện tượng tự nhiên.

+) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.

- Xếp tương ứng.

- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.

- Đo lường.

- Hình dạng.

- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

+) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.

- Trường mầm non.

- Một số nghề phổ biến.

- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

+) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

+) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

+) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

d. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

+) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

+) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

e. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- +) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

- f) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

- +) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

2. Mục tiêu – nội dung cụ thể

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Phát triển thể chất	a. Phát triển vận động:		
	MT1:	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe định kỳ: 2 lần/năm. - Cân, đo theo quý, mỗi quý cân, đo một lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.
	MT2:	Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<i>*/ Hô hấp:</i> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật. <i>*/ Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang ngang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) <i>*/ Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn:</i> - Cúi về trước, ngửa người ra sau. - Quay người sang trái,

		sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải <i>*/ Các động tác phát triển cơ chân:</i> - Nhún chân - Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối. - Nhún chân - Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT3:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ trên sàn.	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước dồn ngang - Đi trên ghế thể dục.
MT4:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi bằng gót chân - Đi khụy gối. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m
MT5:	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	- Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT6:	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT7:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)	- Chuyển, bắt bóng qua đầu. - Chuyển, bắt bóng qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 3 m).
MT8:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự	- Đập và bắt bóng tại chỗ 4-5 lần liên tiếp.

	đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	
MT9:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m)	- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) .
MT10:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	- Chạy chậm 60m - Chạy chậm 80m - Chạy 15m trong khoảng 10 giây
MT11:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Ném trúng đích ngang (xa 2m)	- Ném xa bằng 1. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích ngang (xa 2m)
MT12:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò chui qua cổng. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m . - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m. - Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.
MT13:	Trẻ biết trườn theo hướng thẳng.	- Trườn theo hướng thẳng.
MT14:	Trẻ biết trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.	- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
MT15:	Trẻ biết trèo lên, xuống 5 dóng thang.	- Trèo lên, xuống 5 dóng thang.
MT16:	Trẻ biết bật xa 35 - 40cm.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật tách chân, khép chân a 5 ô. - Bật xa 35 - 40cm.
MT17:	Trẻ biết bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - cm).	- Bật qua vật cản cao 10cm - Bật qua vật cản cao 15cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống (30 - 35cm).

	MT18:	Trẻ biết nhảy lò cò 3m.	- Nhảy lò cò 3m.
	MT19:	Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập, mở các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... - Gập giấy
	MT20:	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối. + Biết tết sợi đôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
	b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:		
	MT21:	Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm.	- Một số thực phẩm thông thường trong nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
	MT22:	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau.. - Dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; cá kho, rán, nấu canh chua; gạo thì nấu cơm, nấu cháo.
	MT23:	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo

		phì).
MT24:	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
MT25:	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Rèn cách tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
MT26:	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.
MT27:	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người: Đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định. - Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp thời tiết. - Một số biểu hiện khi ốm và cách phòng chống đơn giản.
MT28:	Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các	- Những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)

		vận dụng sắc nhọn không nên nghịch.	- Các vận dụng sắc nhọn (dao, kéo, đinh...)
	MT29:	Trẻ nhận ra được những nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Những nơi không an toàn (hồ áo, bể chứa nước, giếng, hố vôi, nương nước, suối...)
	MT30:	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Một số hành động nguy hiểm như: + Cười đùa trong ăn, uống, ăn các loại quả có hạt. + Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ ... uống rượu, cà phê, tự ý lấy thuốc uống. + Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	MT31:	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Cháy, có người ngã chảy máu, có người rơi xuống nước, bị lạc...).
2. Phát triển nhận thức	a. Khám phá khoa học:		
	MT32:	Trẻ nhận biết được chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
	MT33:	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô.	- Đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo?; Vì sao lá cây bị ướm?..
	MT34:	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, công dụng và cách thức sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối

		với con người.
MT35:	Trẻ nhận biết được đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.
MT36:	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm thử nghiệm như: Pha màu/đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh kết quả thử nghiệm.
MT37:	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
MT38:	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại 1 số phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu.
MT39:	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng, gần gũi.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường. - Hiện tượng khi pha đường, muối vào nước làm cho nước ngọt, mặn hơn...
MT40:	Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT41:	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản, quen thuộc.	- Nghĩ ra các cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản như: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
MT42:	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật,

			cây, hoa, quả - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	MT43:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết; mùa.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người.
	MT44:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người động vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước . - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	MT45:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	MT46:	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện 1 số hiểu biết qua quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình như: Chơi đóng vai: Bắt chước hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn, Bác sĩ khám bệnh; Hát các bài hát về cây, con vật; Vẽ xé, dán, nặn con vật cây, đồ dùng đồ chơi, PTGT đơn giản.
	b. Làm quen với toán:		
	MT47:	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng và đếm trên các	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo

	đối tượng trong phạm vi 10.	khả năng.
MT48:	Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau; nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT49:	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
MT50:	Trẻ biết sử dụng các số 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.
MT51:	Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, ...)
MT52:	Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1- 1. - Ghép đôi. - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT53:	Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo.
MT54:	Trẻ chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật.
MT55:	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Tạo ra các hình đơn giản từ các vật liệu khác nhau (xếp tạo thành các hình bằng hạt gạo, giấy bìa, que tính, ...)
MT56:	Trẻ biết tạo thành các hình	- Chắp ghép các hình hình

		mới bằng cách chấp ghép các hình hình học.	học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT57:	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau; phía phải - phía trái).
MT58:	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		- Các buổi: sáng, trưa, chiều tối.
c. Khám phá xã hội:			
MT59:	Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT60:	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT61:	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường, tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn ; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT62:	Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT63:	Trẻ kể được tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội. Kể tên và nêu được một vài đặc điểm của		- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất

		cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	nước.
3. Phát triển ngôn ngữ	a. Nghe:		
	MT64:	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu
	MT65:	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất và các từ biểu cảm.
	MT66:	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Chăm chú lắng nghe và trao đổi lại nội dung nghe với người đối thoại.
	MT67:	Trẻ nghe hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
	MT68:	Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè theo độ tuổi.
	b. Nói:		
	MT69:	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm rõ ràng - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
	MT70:	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.	- Các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
	MT71:	Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp . - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; Khi nào?; Để làm gì?.
	MT72:	Trẻ biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm (Yêu, ghét..), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	MT73:	Trẻ kể lại được sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.

			- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT74:	Trẻ đọc được thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
MT75:	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc, bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		- Kể lại truyện đã được nghe . - Đóng kịch
MT76	: Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi”... trong giao tiếp.		- Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT77:	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		- Cường độ giọng của bé khi giao tiếp (không quá to, không nói lí nhí, nói nhỏ trong giờ ngủ,)
c. Làm quen với việc đọc - viết:			
MT78:	Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống .		- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông; Đường cho người đi bộ...)
MT79:	Trẻ biết chọn sách để xem.		- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT80:	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.		- Quan sát các nhân vật trong tranh và mô tả lại hành động của từng nhân vật trong tranh.
MT81:	Trẻ nhận dạng được một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt theo khả năng của trẻ. Biết tập tô, tập đồ các nét chữ.		- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
MT82:	Trẻ làm quen với cách “đọc “và “viết” trong tiếng Việt.		- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét

			chữ , đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT83:	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của quyển sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ “đọc vẹt” - Giữ gìn, bảo vệ sách.
	MT84:	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Một số ký hiệu để viết tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng nhân ngày sinh nhật, ngày 8-3...
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	a. Phát triển tình cảm:		
	MT85:	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, điều trẻ thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Tên tuổi, giới tính, sở thích.\ - Địa chỉ nhà: Số nhà, tên phố, tỉnh. - Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ. - Tên các thành viên trong gia đình - Nghề nghiệp của bố mẹ. - Sở thích khả năng của bản thân.
	MT86:	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
	MT87:	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao .	- Bé với công việc được giao. - Nhận công và hoàn thành việc được giao theo sự phân công (Kê bàn ghế, cất đồ chơi..) - Hợp tác cùng bạn.
	MT88:	Trẻ nhận biết được cảm	- Một số trạng thái cảm xúc

	xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	(vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT89:	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT90:	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ và thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Hình ảnh Bác Hồ, Lắng Bác Hồ. - Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác.
MT91:	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Danh lam thắng cảnh , di tích lịch sử . - Nghề mỗ truyền thống - Thành phố du lịch
b. Phát triển kĩ năng xã hội:		
MT92:	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường.
MT93:	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT94:	Trẻ biết chú ý lắng nghe khi cô và bạn hỏi.	- Chú ý lắng nghe khi cô và bạn hỏi.
MT95:	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.
MT96:	Trẻ biết yêu quý, quan tâm người thân trong gia đình.	-Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình (ông bà, bố mẹ, anh chị em..)
MT97:	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn bè để cùng	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.

		thực hiện hoạt động chung.	
	MT98:	Trẻ phân biệt được hành vi vi “đúng”-“Sai” “tốt”-“xấu”.	- Hành vi “đúng”-“Sai” “tốt”-“xấu”.
	MT99:	Trẻ biết tiết kiệm điện, nước.	-Tiết kiệm điện, nước (Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng...)
	MT100:	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc, không bẻ cành, bứt hoa.	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc, không bẻ cành, bứt hoa.
	MT101:	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
5. Phát triển thẩm mỹ	a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên và nghệ thuật:		
	MT102:	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT103:	Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng theo các bản nhạc, bài hát. - Chăm chú lắng nghe người khác đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể chuyện.
	MT104:	Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	- Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của bản thân (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.
	b. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo		

hình:		
MT105:	Trẻ nghe và nhận ra được các loại nhạc khác nhau.	- Nghe và nhận biết các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)
MT106:	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời thể hiện sắc thái của bài hát qua nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.
MT107:	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức.	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT108:	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
MT109:	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh; xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. Làm lồm, dõ bẹt, bẻ loc, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng: vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.
MT110:	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật:		
MT111:	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn thể hiện các hình thức vận động theo nhạc, nghe nhạc và vận

			động tự do.
	MT112:	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
	MT113:	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra được các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói ý tưởng sản phẩm tạo hình của mình
	MT114:	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

3. Đánh giá kết quả thực hiện:

* Thuận lợi:

.....

.....

.....

.....

.....

* Khó khăn:

.....

.....

.....

.....

.....

* Tồn Tại:

.....

.....

.....

.....

.....

* Nguyên nhân:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*** Cách khắc phục:**

.....

.....

.....

.....

.....

*** Dự kiến các phương án, kế hoạch tiến hành các hoạt động khi có dịch bệnh, thời tiết xấu:**

.....

.....

A. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

- Hoạt động chơi
- Hoạt động học
- Hoạt động lao động
- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội
- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục

- + Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp dùng trò chơi:
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề.
- Phương pháp luyện tập:
- + Nhóm phương pháp trực quan - minh họa
- + Nhóm phương pháp dùng lời nói
- + Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ
- + Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

B. DỰ KIẾN THỜI GIAN/ CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN

Số thứ tự chủ đề giáo dục thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Những sự kiện lớn
Chủ đề lớn 1: Trường mầm non Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 08/09/2025 đến 26/09/2025)			
1	Trường mầm non Đồng Sơn của bé.	(Từ 08/09/2025 đến 12/09/2025)	
2	Lớp học 4 tuổi của bé	(Từ 15/09/2025 đến 19/09/2025)	
3	Đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé.	(Từ 22/09/2025 đến 26/09/2025)	
Chủ đề lớn 2: Bản thân Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện 29/09/2025 đến 17/10/2025)			
4	Bé vui tết trung thu(Dự án làm đèn lồng)	(Từ 29/09/2025 đến 03/10/2025)	Tết trung thu
5	Tôi là ai	(Từ 06/10/2025 đến 10/10/2025)	
6	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	(Từ 13/10/2025 đến 17/10/2025)	
Chủ đề lớn 3: Gia đình Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 20/10/2025 đến 07/11/2025)			
7	Gia đình của bé	(Từ 20/10/2025 đến	Ngày thành

		24/10/2025)	lập HLHPN Việt Nam 20/10
8	Ngôi nhà gia đình bé ở	(Từ 27/10/2025 đến 31/10/2025)	
9	Nhu cầu của gia đình	(Từ 03/11/2025 đến 07/11/2025)	
Chủ đề lớn 4: Nghề nghiệp Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 10/11/2025 đến 05/12/2025)			
10	1 số nghề quen thuộc và phổ biến	(Từ 10/11/2025 đến 14/11/2025)	
11	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.	(Từ 17/11/2025 đến 21/11/2025)	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
12	Tìm hiểu 1 số nghề phổ biến của địa phương	(Từ 24/11/2025 đến 28/11/2025)	
13	Nghề dịch vụ- sản xuất	(Từ 01/12/2025 đến 05/12/2025)	
Chủ đề lớn 5: Thế giới động vật Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 08/12/2025 đến 02/01/2026)			
14	Động vật sống trong gia đình	(Từ 08/12/2025 đến 12/12/2025)	
15	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam	(Từ 15/12/2025 đến 19/12/2025)	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12
16	Động vật sống dưới nước	(Từ 22/12/2025 đến 26/12/2025)	
17	Động vật sống trong rừng	(Từ 29/12/2025 đến 02/01/2026)	
Chủ đề lớn 6: Thế giới thực vật Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 05/01/2026 đến 23/01/2026)			
18	Bé yêu cây xanh	(Từ 05/01/2026 đến 09/01/2026)	Kết thúc học kỳ I
19	Một số loại rau	(Từ 12/01/2026 đến 16/01/2026	Bắt đầu học kỳ II
20	Một số loại hoa, quả	(Từ 19/01/2026 đến	

		23/01/2026	
Chủ đề lớn 7: Tết và mùa xuân Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 26/01/2026 đến 13/02/2026)			
21	Bé vui đón tết(Dự án gói bánh Trung)	(Từ 26/01/2026 đến 30/01/2026)	
22	Các món ăn ngày tết	(Từ 02/02/2026 đến 06/02/2026)	
23	Mùa Xuân	(Từ 09/02/2026 đến 13/02/2026)	
(Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến ngày 28/02/2026)			
Chủ đề lớn 8: Một số phương tiện và quy định giao thông. Số tuần thực hiện: 5 tuần (Thời gian thực hiện từ 02/03/2026 đến 03/04/2026)			
24	Ngày quốc tế phụ nữ 8/03	(Từ 02/03/2026 đến 06/03/2026	Ngày hội của các bà các mẹ
25	Một số phương tiện giao thông đường bộ	(Từ 09/03/2026 đến 13/03/2026)	
26	Một số phương tiện giao thông đường hàng không	(Từ 16/03/2026 đến 20/03/2026)	
27	Một số phương tiện giao thông đường thủy	(Từ 23/03/2026 đến 27/03/2026)	
28	Một số quy định và luật lệ giao thông	(Từ 30/03/2026 đến 03/04/2026)	
Chủ đề lớn 9: Nước - Hiện tượng tự nhiên Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 06/04/2026 đến 24/04/2026)			
29	Nước	(Từ 06/04/2026 đến 10/04/2026)	
30	Mùa hè	(Từ 13/04/2026 đến 17/04/2026	
31	Một số hiện tượng tự nhiên	(Từ 20/04/2026 đến 24/04/2026	

Chủ đề lớn 10: Quê hương - Đất nước- Bác Hồ Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 27/04/2026 đến 22/05/2026)			
32	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	(Từ 27/04/2026 đến 01/05/2026)	Giải Phóng Miền Nam 30/4. Quốc tế lao động 01/05
33	Quảng Ninh quê em	(Từ 04/05/2026 đến 08/05/2026)	
34	Bác Hồ kính yêu	Từ 11/05/2026 đến 15/05/2026)	Sinh nhật Bác Hồ 19/05
35	Tết thiếu nhi.	Từ 18/05/2026 đến 22/05/2026)	
<i>Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026</i> <i>Kết thúc chương trình: 23/5/2026</i> <i>Kết thúc năm học 29/05/2026</i>			

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học lớp 4 tuổi Trung Tâm năm học 2025 - 2026. Tôi rất mong nhận được các ý kiến chỉ đạo xem xét và phê duyệt kế hoạch này. Để chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2026 - 2026

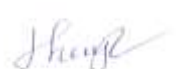
Lương Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

ĐẠI DIỆN BGH

XÁC NHẬN TTCM

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM





Lý Thị Xâm

Bàn Thị Mai

Bàn Thị Mai – Nguyễn Thị Thuý